



dìng zi

锭子

noun · spindle (for spinning)

Example Sentence

Zhè tái fǎng shā jī shàng de dìng zi zhuǎn de hěn kuài.
这台纺纱机上的锭子转得很快。

The spindle on this spinning machine turns very fast.

Trace each character, then write the word on your own.

锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭	锭
锭	锭	锭	锭	锭						
子	子	子	子	子	子					